

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ.

HOÀNG SỸ KIM. *Đổi mới quản lý nhà nước đối với nông nghiệp Việt Nam trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.*

Chuyên ngành: quản lý kinh tế

Mã số: 62.34.01.01

Sau 20 năm đổi mới, nông nghiệp Việt Nam đã thu được những thành tựu to lớn - nhất là việc giải quyết vấn đề lương thực. Tuy nhiên, nông nghiệp Việt Nam vẫn là ngành chậm phát triển, năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh còn thấp. Khu vực nông nghiệp được đánh giá là khu vực nhạy cảm trong thương mại thế giới. Hội nhập kinh tế quốc tế về nông nghiệp có nghĩa là hàng nông sản Việt Nam có thể bán ở nhiều quốc gia trên thế giới với luật chơi chung, nhưng lãnh thổ Việt Nam cũng trở thành địa bàn, thành chợ để bán hàng nông sản của nhiều quốc gia và các nước thành viên. Trong đó, không ít hàng nông sản cùng chủng loại với nông sản do Việt Nam sản xuất có nguồn gốc xuất phát từ những nước có trình độ phát triển nông nghiệp hàng hóa và tiềm lực ngân sách nhà nước lớn hơn Việt Nam rất nhiều.

Như vậy, vừa mới bước đầu chuyển sang sản xuất hàng hóa với chủ thể là 13,5 triệu hộ nông dân năng lực thấp, nông nghiệp Việt Nam đang đứng trước những thách thức mới. Khắc phục những yếu kém, hạn chế của nông nghiệp không đơn giản, nhất là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, chắc chắn sẽ xuất hiện những vấn đề mới trong quản lý nhà nước (QLNN) đối với nông nghiệp.

Với những lý do đó, nghiên cứu sinh Hoàng Sỹ Kim đã lựa chọn vấn đề “*Đổi*

mới QLNN đối với nông nghiệp Việt Nam trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế” làm đề tài nghiên cứu cho luận án tiến sĩ của mình.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục và danh mục các công trình nghiên cứu của tác giả, luận án gồm 3 chương, 9 tiết.

Trên cơ sở sử dụng phương pháp nghiên cứu duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Maxr-Lenin, quan điểm của Đảng ta thể hiện trong các nghị quyết về đổi mới QLNN đối với nông nghiệp, đồng thời sử dụng các phương pháp nghiên cứu như phân tích nguyên lý hệ thống, lý thuyết khoa học quản lý kinh tế, khoa học hành chính, phương pháp phân tích thống kê, phân tích hoạt động kinh tế,..., luận án từng bước làm rõ: những nhận thức lý luận về QLNN đối với nông nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế; thực trạng QLNN đối với nông nghiệp Việt Nam trong quá trình đổi mới của đất nước; và đưa ra một số giải pháp đổi mới QLNN đối với nông nghiệp trước yêu cầu hội nhập.

Chương I, *cơ sở lý luận và thực tiễn về QLNN đối với nông nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*, nêu lên sự cần thiết đổi mới QLNN đối với nông nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế; sự cần thiết khách quan phát triển nông nghiệp hàng hóa đa dạng, bền vững gắn với thị trường là cơ sở thực hiện mục tiêu nâng cao mức sống của cư dân nông nghiệp, trong đó vai trò QLNN đối với nông nghiệp có ý nghĩa quyết định.

Theo tác giả, QLNN đối với nông nghiệp là hoạt động sắp xếp tổ chức, chỉ huy, điều hành, hướng dẫn, kiểm tra của hệ thống cơ quan QLNN từ trung ương tới

địa phương đối với lĩnh vực nông nghiệp trên cơ sở nhận thức vai trò, vị trí và đặc điểm kinh tế-kỹ thuật, chuyên môn của ngành nông nghiệp để khai thác và sử dụng các nguồn lực trong và ngoài nước, nhằm đạt được mục tiêu xác định với hiệu quả cao nhất.

Tác giả nêu rõ, trong nền kinh tế quốc gia, đặc biệt là đối với Việt Nam, nông nghiệp đóng vai trò to lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Điều đó thể hiện ở việc nông nghiệp: 1/ cung cấp lương thực, thực phẩm cho sự tồn tại và phát triển của con người, cho đến nay chưa có ngành nào có thể thay thế được; 2/ là ngành cung cấp nguồn đầu vào cho các lĩnh vực khác; 3/ là thị trường có nhiều tiềm năng để tiêu thụ hàng công nghiệp, dịch vụ; 4/ là nguồn cung cấp ngoại tệ nhờ xuất khẩu nông sản và tiết kiệm ngoại tệ qua sản xuất thay thế hàng nhập khẩu; 5/ có vai trò góp phần giải quyết các vấn đề xã hội; 6/ có vai trò rất quan trọng trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái.

Tác giả nhấn mạnh, nhằm nâng cao vai trò của nông nghiệp đối với sự nghiệp phát triển nền kinh tế, gắn liền quá trình chuyển dịch các yếu tố sản xuất ra ngoài khu vực nông nghiệp với sự chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế; tăng năng suất và sản lượng nông nghiệp đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội đối với nông sản; bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, từng bước đa dạng hóa sản xuất và xuất khẩu nông sản; tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống nông dân; và phát triển nền nông nghiệp hiện đại trên cơ sở phát huy lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để tạo ra nhiều nông sản có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh và chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài nước, đem lại lợi ích cho đất nước trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước hiện nay, *đổi mới QLNN đối*

với nông nghiệp Việt Nam để đáp ứng yêu cầu mới là hết sức cần thiết.

Chương II tập trung phân tích, đánh giá *thực trạng QLNN đối với nông nghiệp trong những năm đổi mới.*

Trước tiên (tiết 2.1), tác giả *khái quát quá trình phát triển nông nghiệp trong những năm đổi mới.* Tác giả nêu rõ, trong 20 năm đổi mới (1986-2005), Nhà nước ta đã có nhiều chính sách kinh tế để hỗ trợ sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định. Tuy nhiên, những khó khăn hiện nay của ngành nông nghiệp trong điều kiện hội nhập mà Nhà nước cần giải quyết là: cơ cấu sản xuất nông nghiệp chuyển dịch chậm và bất hợp lý; tình trạng manh mún đất nông nghiệp; nông nghiệp chủ yếu tăng trưởng theo chiều rộng; chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh của nhiều loại nông sản còn thấp; nông nghiệp tăng trưởng chưa bền vững; thu nhập của người làm nông nghiệp còn thấp, chênh lệch về thu nhập giữa các nhóm dân cư nông thôn, giữa nông thôn và thành thị gia tăng cao, khả năng tích lũy thấp; lao động nông nghiệp dư thừa nhiều...

Tiếp đó (tiết 2.2), tác giả nêu lên *thực trạng QLNN đối với nông nghiệp trong những năm đổi mới* trên cơ sở phân tích các chiến lược phát triển nông nghiệp trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn; những chính sách cơ bản về phát triển nông nghiệp trong những năm đổi mới; chính sách đất đai và những tác động của nó đối với nông nghiệp; quá trình đổi mới chính sách đầu tư trong nông nghiệp; quá trình đổi mới chính sách tín dụng; đổi mới quản lý hợp tác xã nông nghiệp; đổi mới chính sách quản lý các doanh nghiệp nhà nước; đổi mới chính sách quản lý thị trường tiêu thụ nông sản trong quá trình hội nhập... Qua đó, tác giả chỉ ra *những yếu kém trong QLNN đối với nông nghiệp* (tiết 2.3) là: 1/ một số chính sách như chính sách

đầu tư, đất đai, phát triển công nghiệp chế biến nông sản, cho vay vốn đối với các trang trại còn nhiều nội dung chưa phù hợp; 2/ còn nhiều biểu hiện hành chính, quan liêu, giản đơn hóa trong chỉ đạo thực hiện kế hoạch như chương trình mía đường, chương trình bò sữa, chương trình phát triển cây cao su ở một số tỉnh phía Bắc; 3/ một số cơ quan QLNN chưa thực thi chức năng nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật, một bộ phận cán bộ công chức lạm dụng chức vụ vi phạm pháp luật và các chính sách đất đai diễn ra ở nhiều địa phương; 4/ khả năng chiếm lĩnh thị trường, trình độ khoa học, công nghệ, điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật trong nông nghiệp, nhất là hệ thống thủy lợi và giao thông vận tải, cũng như năng lực của các chủ thể kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam còn ở mức thấp và trong thời gian tới có khả năng thay đổi đột biến vì khó khăn về vốn đầu tư, thậm chí, việc nâng cao trình độ kinh doanh của hộ nông dân dù đầu tư nhiều tiền cũng không thể thực hiện trong một vài năm tới; 5/ hệ thống pháp luật, chính sách của Việt Nam nói chung và QLNN về nông nghiệp nói riêng không đồng bộ và kém hiệu lực, chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập.

Chương III, trên cơ sở dự báo xu hướng phát triển nông nghiệp Việt Nam đến năm 2020 (tiết 3.1), quan điểm cơ bản và mục tiêu đổi mới QLNN đối với nông nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế (tiết 3.2), tác giả đề xuất *các nhóm giải pháp nhằm đổi mới QLNN đối với nông nghiệp đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế* (tiết 3.3) gồm:

Thứ nhất, đổi mới việc hoạch định chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển nông nghiệp gắn với thị trường trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh của từng vùng và của cả nước.

Thứ hai, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật nhằm tạo môi trường thuận lợi cho các chủ thể kinh doanh nông nghiệp hoạt động, đồng thời cũng là tạo công cụ quản lý vĩ mô để Nhà nước có cơ sở kinh tế, pháp lý nhằm can thiệp vào hoạt động của các chủ thể kinh tế nông nghiệp - đối tượng của QLNN về nông nghiệp.

Thứ ba, Nhà nước huy động và sử dụng các nguồn lực trong và ngoài nước để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp trong điều kiện hội nhập.

Thứ tư, Nhà nước chủ động thực hiện phát triển quan hệ hợp tác quốc tế về nông nghiệp, tạo môi trường quan hệ quốc tế thuận lợi cho các chủ thể kinh tế nông nghiệp Việt Nam hợp tác kinh doanh với các đối tác nước ngoài.

Thứ năm, Nhà nước chủ động điều tiết kinh tế quốc dân, hỗ trợ đầu tư để tăng cường năng lực kinh doanh cho các chủ thể kinh tế nông nghiệp.

Thứ sáu, Nhà nước thực hiện chính sách bảo hộ hợp lý nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành nông nghiệp trong điều kiện hội nhập.

Thứ bảy, Nhà nước hoạch định và tổ chức thực hiện tốt chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ công chức, những người quản lý doanh nghiệp và lực lượng lao động lành nghề có thể đáp ứng tốt các đòi hỏi của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Luận án bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước, họp tại Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh vào tháng 9 năm 2007.

THANH HÀ
giới thiệu